TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:122/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N – TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Hùng

Bà Lê Thị Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Bích S, sinh năm 1998; địa chỉ: khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Bích S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2017; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên rượu chè, bài bạc và đánh đập vợ. Nay bà S thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải, bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và vợ là bà Vũ Thị Bích S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2017; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bà S có những thái độ bất kính với nhà chồng, bà S không làm việc nhà và có quan hệ tình cảm bên ngoài. Ông T thừa nhận có tát bà S. Gia đình bên vợ đánh đập ông T nhiều lần. Bà S yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, nhưng nếu bà S nhất quyết muốn ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, cho bà S ly hôn với ông T; các đương sự khai không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn*" theo khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Bá T cư trú tại thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của bà Sen và ông Trị là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, giữa bà S và ông T có nhiều mâu thuẫn. Bà S cho rằng ông T thường xuyên rượu chè, bài bạc và đánh đập vợ. Hiện tại, bà S bỏ

về nhà mẹ ruột sống tại khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, còn ông T sống cùng ba mẹ tại thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bà S xác định không còn tình cảm đối với ông T, vợ chồng không thể hàn gắn và không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bà S có thái độ bất kính với nhà chồng, không thường xuyên làm việc nhà, lười nhác, có quan hệ tình cảm bên ngoài, gia đình bên vợ đánh đập ông T nhiều lần, ông T thừa nhận có tát bà S vài lần. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Bá T không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa ông T cho rằng bà S nhất quyết muốn ly hôn nên ông T cũng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Vũ Thị Bích S và ông Nguyễn Bá T ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông T đều khai vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị Bích S phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Bích S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Bích S và ông Nguyễn Bá T ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Sen đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0004105 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà Sen đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tam A;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Văn Long